

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 612/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định một số nội dung về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông tại Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 22/11/2018; Báo cáo thẩm định số 02/BC-HĐTĐ ngày 29/11/2018 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển:

1.1. Quan điểm:

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Tu Mơ Rông phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước, vùng Tây Nguyên và tỉnh Kon Tum. Khai thác các tiềm năng, thế mạnh của huyện, huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực và tận dụng tối đa

các cơ hội bên ngoài nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tập trung phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, giảm tỷ lệ tăng dân số, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo. Xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

1.2. Mục tiêu phát triển:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát:

Phát huy lợi thế về đất đai, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, huy động các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, chú trọng phát triển cây dược liệu, cây nông nghiệp có giá trị kinh tế cao nhằm thúc đẩy kinh tế huyện Tu Mơ Rông phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Tập trung đầu tư hạ tầng và thu hút dân cư đô thị, phấn đấu hình thành thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông trước năm 2025. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về phát triển kinh tế:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (*Giá trị sản xuất, giá cố định 2010*) đạt 14,95%/năm giai đoạn 2018-2020, đạt 12,03%/năm giai đoạn 2021-2025 và đạt 11,11%/năm giai đoạn 2026-2030.

- Đến năm 2020, tỷ trọng nông lâm thủy sản còn khoảng 25,28%, công nghiệp, xây dựng 43,79% và khu vực dịch vụ 30,93%; đến năm 2025, tỷ trọng các lĩnh vực lần lượt là 23,15% - 44,28% - 32,57% và đến năm 2030 là 20,22% - 45,62% - 34,16%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 30 triệu đồng, bằng 56%; năm 2025 khoảng 45 triệu đồng, bằng 60%; năm 2030 khoảng 65 triệu đồng, bằng 65% so thu nhập bình quân đầu người của tỉnh.

b) Về phát triển xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện xuống còn 1,6%/năm giai đoạn 2018-2020, khoảng 1,4%-1,2% giai đoạn 2021-2030. Đến năm 2020 dân số trung bình đạt 31.000 người, đến năm 2025 đạt khoảng 37.000 người và đến năm 2030 đạt khoảng 44.000 người.

- Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, nâng tỷ lệ đô thị hóa của huyện lên khoảng 35,65% năm 2025 và khoảng 38,18% năm 2030.

- Phấn đấu đến năm 2020 có 02 xã đạt tiêu chí nông thôn mới và các xã còn lại đạt trên 50% tiêu chí; năm 2025 có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới; năm 2030 có 8 xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Phấn đấu tỷ lệ hộ sử dụng điện đến năm 2020 đạt trên 99%, tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90% vào năm 2020 và đạt trên 99% vào năm 2025.

- Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống dưới 22%, đến năm 2025 dưới 18% và đến năm 2030 dưới 15%.

- Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 600-650 lao động; phấn đấu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đến năm 2020 đạt 35%, năm 2025 trên 45% và năm 2030 trên 60%;

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 6-8%/năm theo chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 40% vào năm 2020, dưới 10% vào năm 2025 và dưới 5% vào năm 2030.

- Duy trì sĩ số học sinh và tiếp tục củng cố, nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục. Có 47% số trường học đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2020, 65% vào năm 2025 và 82% vào năm 2030 (*Không kể trường Trung học Phổ thông*).

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế huyện đến cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu. Phấn đấu đến năm 2020 có 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Phấn đấu ổn định 11 bác sĩ/vận dân. Số giường bệnh/vận dân đạt 32,3 giường (*không tính giường của trạm y tế xã*) vào năm 2020, đạt 40,5 giường vào năm 2025 và đạt 50 giường vào năm 2030.

- Phấn đấu đến năm 2020 có 80-85%, năm 2025 có trên 90% và năm 2030 có trên 95% số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; đến năm 2020 có 80-85%, năm 2025 có trên 85% và năm 2030 có trên 90% số thôn, làng đạt tiêu chuẩn thôn, làng văn hoá.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Nâng độ che phủ rừng của huyện lên khoảng 70% năm 2020, khoảng 73% năm 2025 và khoảng 75% vào năm 2030.

- Thu gom và xử lý trên 90% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, trên 99% chất thải nguy hại và trên 99% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 70% vào năm 2020, 90% vào năm 2025 và trên 99% vào năm 2030.

- Trên 70% nghĩa trang được xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Về quốc phòng, an ninh:

- Phấn đấu 100% số xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

- Hàng năm phấn đấu giảm số vụ vi phạm, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông, số vụ vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng. Các vụ vi phạm khác đều được phát hiện, xử lý kịp thời.

2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu: 2.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng chuyên canh, phát triển các loài cây chủ lực phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

a) Nông nghiệp:

- Phát triển trồng trọt: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp tính trên 1 ha đất canh tác đạt bình quân

trên 80 triệu đồng vào năm 2020, trên 100 triệu đồng vào năm 2025 và trên 130 triệu đồng vào năm 2030.

+ Lúa nước: Ổn định diện tích lúa nước hiện có, giảm diện tích lúa l vụ và đất nương rẫy. Diện tích gieo trồng lúa khoảng 2.515 ha (trong đó lúa đông xuân 915 ha, lúa mùa 1.600 ha).

+ Ngô: Đến 2020 diện tích trồng ngô khoảng 700 ha, đến 2025 ổn định khoảng 800 ha. Chủ yếu ở các xã phía Tây, xã Tu Mơ Rông, Tê Xăng và Ngọc Lậy.

+ Sắn: Giảm diện tích sắn ổn định khoảng 700 ha. Chủ yếu các xã phía Tây, xã Đăk Hà, Văn Xuôi và xã Tu Mơ Rông.

+ Cây cà phê: Diện tích cà phê đến năm 2020 là 1.500 ha (*diện tích cho sản phẩm: 1.359 ha*), năm 2025 là 2.000 ha (*diện tích cho sản phẩm 1.700 ha*) và năm 2030 là 2.200 ha (*diện tích cho sản phẩm 2.000 ha*). Phát triển chủ yếu tại các xã Măng Ri, Ngọc Lậy, Tê Xăng, Văn Xuôi, Ngọc Yêu và Đăk Hà.

+ Cây bời lồi: Thâm canh, tăng năng suất, ổn định diện tích bời lồi trồng tập trung khoảng 3.500 ha vào năm 2030.

+ Rau, hoa và cây ăn quả: Dự kiến diện tích 450 ha (*Trong đó rau, đậu 110 ha*) vào năm 2020, 550 ha vào năm 2025 và 650 ha vào năm 2030. Trồng rau, đậu công nghệ VietGAP và trồng hoa, cây ăn quả xứ lạnh.

+ Cây dược liệu: Phát triển khoảng 7.000 - 8.000 ha. Sâm Ngọc Linh (*Triển khai theo Quy hoạch bảo tồn và phát triển sâm Ngọc Linh*), phấn đấu đến năm 2020 trồng 500 ha (*Trồng dưới tán rừng*), đến năm 2025 khoảng 1.000 ha và đến năm 2030 khoảng 2.000 ha (*Trong đó Nhân dân trồng khoảng 250 -300 ha*), phát triển tập trung tại 6 xã Măng Ri, Ngọc Lậy, Văn Xuôi, Đăk Na, Ngọc Yêu và Tê Xăng. Đẩy mạnh phát triển cây dược liệu khác như Đương Quy, Hồng đẳng sâm, ngũ vị tử,... với quy mô 5.000-6.000 ha, tập trung chuyển đổi diện tích cây hàng năm sang trồng cây dược liệu theo chủ trương của tỉnh, của huyện.

- Phát triển chăn nuôi: Đẩy mạnh việc chuyển đổi từ các phương thức chăn nuôi truyền thống (*quảng canh*) sang chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại. Dự kiến đàn trâu đến 2020 khoảng 9.000 con, năm 2025 khoảng 12.000 con và năm 2030 khoảng 15.000 con; đàn bò đến 2020 khoảng 11.000 con, đến năm 2025 khoảng 14.000 con và đến 2030 đạt 17.000 con; đàn lợn đến 2020 khoảng 10.000 con, đến năm 2025 khoảng 13.000 con và đến 2030 đạt 16.000 con.

b) Lâm nghiệp: Phấn đấu nâng độ che phủ rừng lên khoảng 70% năm 2020, khoảng 73% năm 2025 và khoảng 75% vào năm 2030.

- Dự kiến đến 2020 rừng phòng hộ khoảng 27.314 ha, đến năm 2025 khoảng 27.800 ha và đến năm 2030 khoảng 28.300 ha. Khoanh nuôi, phục hồi rừng phòng hộ khoảng 5.000-5.200 ha (*trong đó giai đoạn 2018-2020 khoảng 4.800 ha*), bình quân 380-400 ha/năm; trồng rừng phòng hộ chủ yếu tập trung giai đoạn 2021-2030 khoảng 500-600 ha, bình quân 50-60 ha/năm.

- Dự kiến đến 2020 rừng sản xuất khoảng 33.344 ha, đến năm 2025 khoảng 34.800 ha và đến năm 2030 khoảng 36.300 ha. Khoanh nuôi, phục hồi rừng và trồng rừng sản xuất chủ yếu tập trung ở giai đoạn 2021-2030, trong đó khoanh nuôi, phục hồi rừng khoảng 500-1.000 ha, bình quân 50-100 ha/năm; trồng rừng khoảng 1.500-2.000 ha, bình quân 150-200 ha/năm.

c) *Thủy sản*: Phát huy có hiệu quả tiềm năng mặt nước ao hồ cho phát triển thủy sản, trong đó trọng tâm là tài nguyên mặt nước hồ chứa lớn thủy điện, thủy lợi. Chú trọng phát triển nuôi trồng các loài, giống mới, các loại thủy sản thích nghi với điều kiện sản xuất của các xã, có giá trị kinh tế cao gắn với hình thành các vùng sản xuất thủy sản thâm canh. Dự kiến diện tích ao, hồ nuôi trồng thủy sản đạt 33 ha (2020), 45 ha (2025) và 50 ha (2030).

2.2. Công nghiệp: Huy động các thành phần kinh tế xây dựng nhà máy chế biến dược liệu, nhà máy chế biến cà phê gắn với nguồn nguyên liệu; xây dựng cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ từ đồ gỗ, cơ khí ở trung tâm huyện, trung tâm các cụm xã Đăk Sao, Tê Xăng; thành lập cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Mô Pá, xã Đăk Hà; khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, như: đan lát, sửa chữa cơ khí, mộc, may mặc, dệt vải thủ công...; tại mỗi xã, mỗi trung tâm cụm xã xây dựng 1-2 cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề để chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn sang hình thức kết hợp phát triển nông nghiệp và phi nông nghiệp.

2.3. Thương mại, dịch vụ:

- Thương mại: Xây dựng chợ, siêu thị ở trung tâm huyện và các cửa hàng bán lẻ ở các xã. Xây dựng chợ nông thôn xã Đăk Na, các điểm thu mua nông sản (*Điểm dịch vụ nông nghiệp*); đại lý mua bán, ký gửi.

- Du lịch và các sản phẩm du lịch chủ yếu: Khai thác lợi thế phát triển du lịch sinh thái (*khu vực trồng sâm Ngọc Linh, khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và các khu rừng nguyên sinh Măng Ri, Ngọc Lây, Tê Xăng*); du lịch văn hóa - lịch sử - lễ hội (*Khu di tích lịch sử của Tỉnh ủy tại xã Măng Ri, các thôn làng đồng bào dân tộc Xê Đăng*); tuyến du lịch khám phá dãy núi Ngọc Linh.

- Các dịch vụ khác: Phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như: vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.. phục vụ cá nhân và cộng đồng.

2.4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chủ yếu:

- Giao thông: Nâng cấp, mở rộng đường 40B qua huyện; nâng cấp, làm mới các tuyến đường tỉnh ĐT672, 678, 677A (*Từ xã Đăk Hà - xã Đăkpsi, huyện Đăk Hà*), các tuyến đường huyện DH63, 64, 65, 66, 67, 69; tu sửa, nâng cấp các đường xã, thôn; hoàn thiện đầu tư các đường trục chính đô thị, bến xe huyện theo quy hoạch đảm bảo nhu cầu phát triển đô thị tương lai.

- Thủy lợi: Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi mới; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nhằm mở rộng diện tích lúa nước, đảm bảo nước tưới cây công nghiệp và cây trồng khác.

- Điện: Hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Psi 1, Đăk Psi 2. Cải tạo, xây mới các lưới trung thế, hạ thế và các trạm biến áp tập trung tại các xã: Đăk Hà, Đăk Sao, Tê Xăng, Văn Xuôi, Đăk Rơ Ông, Ngọc Lây và Đăk Na. Cải tạo lưới điện khu vực trung tâm huyện, xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn đường đảm bảo ánh sáng ở trung tâm huyện, bảo đảm an toàn và mỹ quan.

- Cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Đầu tư nhà máy nước trung tâm huyện Tu Mơ Rông công suất 1.000 m³/ngày đêm vào năm 2020 và công suất 2.000m³/ngày đêm vào năm 2030 đảm bảo phục vụ cho nhân dân. Chú trọng các chương trình cung cấp nước hợp vệ sinh cho nông thôn; nâng cao chất lượng nước sinh hoạt dân cư đạt các tiêu chuẩn quy định.

+ Thoát nước: Đến năm 2030 có khoảng 80% cống theo các tuyến đường tại trung tâm huyện; trung tâm huyện và các điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa.

2.5. Phát triển nguồn lực và các lĩnh vực xã hội:

- Phát triển nguồn nhân lực và việc làm: Dự báo đến năm 2020 nguồn lao động của huyện có khoảng 17.050 người, năm 2025 khoảng 20.350 người và năm 2030 khoảng 24.200 người. Lao động cần bố trí việc làm vào năm 2020 khoảng 2.100 người, năm 2025 khoảng 3.300 người và năm 2030 khoảng 3.900 người.

- Bố trí sắp xếp dân cư và tăng dân số cơ học:

+ Bố trí sắp xếp dân cư: Trước mắt, xây dựng 03 điểm tái định cư để di dời các hộ nằm trong vùng sạt lở và có nguy cơ sạt lở cao. Ổn định tại chỗ cho 362 hộ/1.428 khẩu, sắp xếp dân cư mới với quy mô 267 hộ, xây dựng 1 điểm dân cư mới để bố trí cho 83 hộ, bố trí xen ghép cho 184 hộ trong nội vùng các thôn trong xã.

+ Dân số cơ học: Từ nay đến năm 2020 thu hút dân số cơ học đến huyện làm ăn, sinh sống ổn định lâu dài khoảng 450 hộ khoảng 1.800 khẩu, giai đoạn 2021-2025 khoảng 760 hộ với 3800 khẩu và giai đoạn 2026-2030 khoảng 940 hộ với 4.700 khẩu. Tập trung chủ yếu các xã Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Đăk Sao, Tê Xăng, Đăk Tơ Kan, Đăk Rơ Ông.

- Phát triển giáo dục - đào tạo:

+ Giáo dục mầm non: Huy động số trẻ 3- 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt tỷ lệ trên 99% vào năm 2020. Phần đầu đến năm 2020 đạt 45,5%, năm 2025 đạt 55% và đến năm 2030 đạt 73% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

+ Giáo dục phổ thông: Bậc tiểu học, phần đầu đến năm 2020 đạt 64%, năm 2025 đạt 82% và năm 2030 đạt 100% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trung học cơ sở. Phần đầu đến năm 2020 đạt 33,3%, năm 2025 đạt 58% và năm 2030 đạt 75% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở được duy trì và nâng cao.

+ Đào tạo: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo nghề giữa huyện với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh.

- Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe: Hệ thống y tế được hoàn thiện, hiện đại; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc. Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục nâng cấp trung tâm y tế huyện Tu Mơ Rông cả về quy mô và trang thiết bị.

- Phát triển văn hóa, thể thao: Triển khai có kết quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; duy trì các đội nghệ thuật (*công chiêng*), các hoạt động lễ hội truyền thống, loại trừ các hủ tục lạc hậu. Xây dựng các mô hình văn hoá ở cơ sở như: câu lạc bộ gia đình văn hoá; làng văn hoá, xã văn hoá. Phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phần đầu số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 25% dân số; gia đình thể thao đạt trên 20% tổng số hộ gia đình.

- Vấn đề giảm nghèo và giảm chênh lệch mức sống dân cư: Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện từ 6-8%/năm theo chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều, đến năm 2020 số hộ nghèo còn dưới 40%, đến năm 2025 số hộ nghèo xuống dưới 10% và đến năm 2030 số hộ nghèo hộ nghèo còn dưới 5%.

2.6. Khoa học, công nghệ: Từng bước áp dụng công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất ở một số lĩnh vực: chế biến nông sản, dược liệu, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (*áp dụng sản xuất gạch không nung*),... Đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, trong đó chú trọng các khâu: chọn tạo giống, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo các yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc gia, khu vực và thế giới như tiêu chuẩn VietGAP,...

2.7. Bảo vệ môi trường:

- Bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho người dân trên cơ sở tăng cường, cải thiện các dịch vụ cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; nâng cao nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường, vệ sinh cộng đồng và vệ sinh cá nhân. Giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn theo hướng phát triển bền vững, văn minh, xanh, sạch đẹp.

- Chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trồng rừng kinh tế.

2.8. Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh: Đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định về trật tự, an toàn xã hội, chăm lo củng cố

quốc phòng, an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; củng cố, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện vững mạnh, hoạt động có hiệu quả. Phân đấu 100% số xã có nhà làm việc và phòng làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã; 100% số xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

2.9. Tổ chức không gian phát triển:

2.9.1. Định hướng địa giới hành chính: Đề xuất thành lập thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông trên cơ sở xã Đăk Hà và các khu vực lân cận trước năm 2025. Đến năm 2025, huyện Tu Mơ Rông có 11 xã, thị trấn.

2.9.2. Phát triển đô thị:

- Đô thị hóa: Đến năm 2030, dân số đô thị là 16.800 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 38,18%; chủ yếu tập trung phát triển tại đô thị thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông, đô thị Văn Xuôi và các điểm dân cư tập trung (*Trung tâm xã Tu Mơ Rông, Đăk Sao, Tê Xăng và Đăk Tờ Kan*) gắn với đô thị. Dân số thị trấn đến năm 2025 là 4.190 người và năm 2030 khoảng 5.500 người.

- Phát triển đô thị:

+ Giai đoạn 2021-2025: Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm huyện lỵ Tu Mơ Rông, từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại V và hình thành thị trấn thuộc huyện; lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Văn Xuôi làm cơ sở đầu tư, hình thành đô thị; phát triển các điểm dân cư tập trung, trung tâm cụm xã, các điểm dân cư dọc hai bên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ để hình thành các khu dân cư tập trung có tính chất đô thị gắn với quy hoạch để quản lý.

+ Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục đầu tư phát triển các đô thị theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị trên địa bàn huyện.

2.9.3. Phát triển nông thôn: Phân đấu các xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: Từ nay đến năm 2020 có 2 xã chuẩn nông thôn mới (xã Đăk Rơ Ông, Ngọc Lây); giai đoạn 2021-2025 đạt 2 xã (Đăk Tờ Kan, Đăk Hà); giai đoạn 2026-2030 đạt 3 xã (Tu Mơ Rông, Tê Xăng và Văn Xuôi).

2.9.4. Phát triển các cụm công nghiệp, vùng sản xuất:

- Hình thành cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Mô Pà, diện tích 15 ha. Chủ yếu là công nghiệp chế biến, gồm nhà máy chế biến dược liệu, sản xuất gạch không nung...

- Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng (*sâm Ngọc Linh, Hồng Đăng sâm,...*). Vùng phát triển sâm Ngọc Linh tập trung tại các xã Măng Ri, Tê Xăng, Ngọc Lây, Văn Xuôi, Đăk Na và Ngọc Yêu.

- Phát triển khu vực chuyên canh rau tại xã Đăk Hà, Đăk Tờ Kan, Đăk Rơ Ông; khu vực chuyên canh rau, hoa xứ lạnh tại xã Ngọc Lây, Măng Ri và Tê Xăng.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Quy hoạch phân khu chức năng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thôn Kon Pia, xã Đăk Hà (cấp huyện), quy mô khoảng 100-150 ha và mỗi xã hình thành 1-2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô khoảng 10-20 ha. Với mục tiêu phát triển các loại cây nông nghiệp có giá trị cao, trong đó chú trọng phát triển cây dược liệu.

- Các khu, điểm du lịch: Khu du lịch sinh thái, gồm khu du lịch sinh thái Ngọc Linh, khu du lịch sinh thái Ngọc Lậy; khu du lịch nhân văn, gồm khu di tích căn cứ Tinh úy, các điểm du lịch cộng đồng Xê Đăng.

2.10. Các đề án, dự án ưu tiên đầu tư: Chi tiết tại danh mục kèm theo.

3. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

3.1. Huy động vốn đầu tư:

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước: Bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

+ Đối với nguồn ngân sách Trung ương: Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh, Bộ ngành Trung ương để triển khai các công trình trọng điểm đầu tư trên địa bàn như tuyến Quốc lộ 40B. Đồng thời tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương đầu tư các công trình như hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện, các trục giao thông chính như đường tỉnh 672, 678, 677A, các đường huyện.

+ Đối với nguồn ngân sách địa phương: Tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tăng nguồn thu từ quỹ đất trên cơ sở phát triển mạnh sản xuất công nghiệp, dịch vụ, phát triển dân cư, tăng cường quản lý tốt nguồn thu để đảm bảo chi và có kết dư để tái đầu tư phát triển. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn và các công trình xã hội khác. Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa về lĩnh vực văn hóa, xã hội thông qua các chính sách khuyến khích hỗ trợ cụ thể từng lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và môi trường.

- Vốn tín dụng: Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng Nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, nhất là các dự án phát triển dược liệu, các ngành công nghiệp ưu tiên, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý chất thải cho công nghiệp, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu. Ưu tiên các dự án có quy mô lớn, các dự án đổi mới công nghệ chế biến nông, lâm nghiệp, dự án phát triển năng lượng sạch.

- Vốn dân cư và các doanh nghiệp: Chú trọng công tác huy động vốn từ dân cư và các doanh nghiệp thông qua công tác vận động, xúc tiến đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tạo điều kiện thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp có lợi thế của huyện. Tập trung vào các dự án khai thác quỹ đất trong khu trung tâm huyện, điểm dân cư tập trung để tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

- Huy động vốn ODA, NGO: Tăng cường huy động từ nguồn ODA. Chủ động đề xuất danh mục dự án vận động nguồn vốn ODA phù hợp cho từng giai đoạn, đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị dự án và tiếp cận với các tổ chức được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép triển khai hoạt động trên địa bàn để vận động, kêu gọi đầu tư.

3.2. Giải pháp về nguồn nhân lực: Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí. Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Có cơ chế sử dụng và thu hút nhân tài, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người lao động được đào tạo lại, học nghề mới, tự tìm kiếm việc làm, đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo nghề nhân công lao động.

3.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách: Tập trung thực hiện có hiệu quả một số cơ chế, chính sách của Trung ương trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông như chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới; các chính sách theo Luật đất đai, Luật đầu tư, Luật xây dựng và các Nghị định hướng dẫn thi hành một số Điều của các Luật này; các chương trình, chính sách do tỉnh ban hành, như: phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây dược liệu,...

3.4. Giải pháp thị trường và liên kết vùng: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; đầu tư xây dựng siêu thị trung tâm huyện, phát triển hệ thống chợ các xã, các điểm thu mua nông sản; liên kết với các công ty du lịch trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các công ty lữ hành để phát triển du lịch trên địa bàn huyện; tạo điều kiện phát triển các hình thức hợp tác, hợp tác giữa các doanh nghiệp, các hộ sản xuất, giữa nhà nông và các cơ sở sản xuất, chế biến; hợp tác để cập nhật được thông tin thị trường, nâng cao chất lượng công tác dự báo hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạch định chính sách phát triển thị trường, thu hút các dự án đầu tư để khai thác các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế mà các nhà đầu tư đang quan tâm, cập nhật thông tin; hợp tác trong đề xuất ban hành các cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển những ngành có lợi thế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tu Mơ Rông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm và các danh mục đầu tư trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông. Trên cơ sở khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân huyện chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm, 5 năm, xác định danh mục công trình theo thứ tự ưu tiên; đồng thời tìm các giải pháp nhằm huy động tối đa các nguồn lực khác để phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

2. Các sở, ban ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xem xét, huy động nguồn lực để đầu tư phát triển ngành trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông. Tổ chức triển khai các chương trình, dự án do Sở, ban ngành quản lý

thực hiện trên địa bàn huyện.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND huyện Tu Mơ Rông;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PVP (KTTH);
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH7

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**DANH MỤC**
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(*Kèm theo Quyết định số: 612 /QĐ-UBND ngày 14/12/2018*
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Các đề án phát triển

- Đề án phát triển sâm Ngọc Linh và cây dược liệu khác.
- Đề án giảm nghèo bền vững huyện Tu Mơ Rông.
- Đề án phát triển cụm công nghiệp và làng nghề.
- Đề án phát triển du lịch.
- Đề án phát triển trung tâm huyện lỵ Tu Mơ Rông lên đô thị loại V.
- Đề án thành lập thị trấn huyện lỵ Tu Mơ Rông.

2. Đề xuất dự án ưu tiên đầu tư

a) Đầu tư từ ngân sách nhà nước

- Quốc lộ 40B (*Ranh giới với tỉnh Quảng Nam-Cửa khẩu quốc tế Bờ Y*), chiều dài 97,636 km.
- ĐT.672 (*Thôn Ngọc Hoàng, xã Đăk Đăk Ring, Kon Plong –UBND xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei*), dài 72,9 km.
- ĐT.678 (*xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô – Cửa khẩu phụ Đăk Long, huyện Đăk Gey*), dài 73,4 km.
- Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (*Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông*).
- Đường huyện ĐH.63 (*cải tạo, nâng cấp*): Điểm đầu giao QL40B, điểm cuối UBND xã Măng Ri, dài 14 km.
- Đường huyện ĐH.64 (*xây dựng mới*): Giao ĐT678, xã Đăk Rơ Ông - Giao ĐT678, thôn Đăk Năng Lớn 3, xã Đăk Sao, dài 25 km.
- ĐH.67 (*cải tạo, nâng cấp*): Giao QL40 B (*ĐT.672 cũ*) – Giao ĐT678 (*dốc Văn Loan*), dài 25 km.
- ĐH 69 (*xây dựng mới*): UBND xã Tê Xăng – Thôn Long Lẫy, xã Ngọc Yêu, dài 17 km.
- Nối dài đường dài Quốc lộ 40B về phía Nam (*Đoạn trung tâm huyện*).
- Đầu tư các trục chính đô thị và bến xe huyện.
- Đầu tư kè chỉnh trị suối Đăk Ter, giai đoạn 2 (*Đoạn khu trung tâm huyện*).
- Dự án khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ Kon Tum.
- Đầu tư các công trình trung tâm huyện Tu Mơ Rông, gồm trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm, sân vận động, bến xe, nghĩa trang.
- Đầu tư xây dựng Trường PTDTNT huyện (số 2); các trường phổ thông, mầm non trên địa bàn huyện.
- Xây dựng, chỉnh trang trụ sở UBND các xã.
- Nhà văn hóa, sân thể thao các xã.
- Đầu tư nâng cấp các trạm phát lại truyền thanh - truyền hình.
- Xây dựng chợ huyện Tu Mơ Rông và chợ xã Đăk Na.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Mô Pà.
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật nông thôn, như giao thông nông thôn, thủy lợi, điện,...theo Chương trình nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững.
- Di dời, tái định cư các điểm dân cư bị sạt lở và nguy cơ sạt lở trên địa bàn.
- Các dự án phát triển kết cấu hạ tầng từ khai thác quỹ đất.

b) Dự án kêu gọi ODA, NGO...

- Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên.
- Hệ thống cấp nước trung tâm huyện Tu Mơ Rông.
- Đường giao thông, hệ thống điện, thông tin-truyền thông trung tâm huyện.
- Hoàn chỉnh hệ thống y tế trung tâm y tế huyện Tu Mơ Rông.
- Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp đầu tư trang thiết bị các trạm y tế xã.
- Xây mới phòng học tại trường học các xã: Đăk Rơ Ông, Đăk Na, Đăk Sao, Đăk Tơ Kan, Văn Xuôi, Ngọc Yêu.
- Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và y tế xã Văn Xuôi và thị trấn Tu Mơ Rông.

c) Dự án kêu gọi đầu tư (vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, vốn FDI)

- Dự án trồng cà phê xứ lạnh (Arabica).
- Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy.
- Dự án trồng Đương Quy.
- Dự án trồng và khai thác Hồng đẳng Sâm, cây dược liệu khác.
- Dự án chăn nuôi đại gia súc (Trâu, bò).
- Dự án chăn nuôi động vật hoang dã.
- Dự án đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tu Mơ Rông.
- Chợ trung tâm huyện Tu Mơ Rông.
- Dự án chỉnh phục đỉnh Ngọc Linh, quy mô 34.000 ha (Thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh đối với tuyến du lịch của huyện Tu Mơ Rông)
- Dự án đầu tư khu du lịch sinh thái Ngọc Lậy gắn với tuyến du lịch sinh thái trên tuyến đường Nam Quảng Nam - Tu Mơ Rông - Đăk Tô.
- Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên địa bàn huyện.
- Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung.
- Dự án khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát, sỏi).
- Dự án đầu tư nhà máy chế biến dược phẩm.
- Dự án phát triển quỹ đất các điểm dân cư khu vực huyện lỵ Tu Mơ Rông, các xã: Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Đăk Tơ Kan... (Thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh)

* Ghi chú: Về vị trí, quy mô cụ thể, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt chủ trương đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.